TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Trần Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Lý Chung;

2. Ông Lâm Huỳnh Đệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 678/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1993; địa chỉ: Ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số Xx/xx/xx đường Hòa Bình, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số Xx/xxx/x đường Hòa Bình, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, tường trình và các biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T chung sống hợp pháp với nhau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số Xxx, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2018.

Vợ chồng chung sống có một con chung: trẻ Nguyễn Ngọc Phương A, nữ, sinh ngày: 05/01/2019.

Trong quá trình chung sống gần đây hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm, kinh tế và cách giáo dục con, cả hai thường xuyên tranh cãi. Vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Công T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Phương A, nữ, sinh ngày: 05/01/2019 và không yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Công T không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Công T, sn 1990; có HKTT Xx/xx/xx đường Hòa Bình, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; thực tế cư ngụ tại Xx/xxx/xx đường Hòa Bình, Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai, triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai đối với bị đơn và không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các bên.

Tòa án nhân dân Quận 11 quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

3. Tại phiên tòa hôm nay:

a) Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

b) Bị đơn đã được Tòa án nhân dân Quận 11 triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt, không có lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

a) Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn, chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử.

b) Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc D

- Về con chung:Giao trẻ Nguyễn Ngọc Phương A cho bà Dung được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công T, bị đơn cư trú tại Quận 11 nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn:

Ngày 26/7/2023, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn là ông Nguyễn Công T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

3.1 Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T tự tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T bất đồng quan điểm trong cuộc sống về nhiều mặt. Hai người thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn. Nay nhận thấy quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 11 giải

quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Công T để hai bên sớm ổn định cuộc sống và để rõ ràng về mặt pháp lý.

Căn cứ trình bày của đương sự có thể xác định mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T là trầm trọng và không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông Nguyễn Công T mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 11 tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập đầy đủ và hợp lệ nhưng không đến Tòa án và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Điều này cho thấy rằng ông Nguyễn Công T không mong muốn và không có thiện chí trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được."*

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thật sự không còn, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D xin ly hôn với ông Nguyễn Công T.

3.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Phương A, nữ, sinh ngày: 05/01/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số Xx, do Ủy ban nhân dân Phường x, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2018 không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Ngọc D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Phương A, nữ, sinh ngày: 05/01/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu ông Nguyễn Công T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Công T không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông Nguyễn Công T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0020607 ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Công T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 11, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 11, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND Phường x, Quận 11, Tp. Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Trần Ngọc Phương